

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2021/DS-PT**

Ngày: 18 - 3 - 2021

*V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Toàn

2. Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tân Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cuol – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 26/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Phạm Hoàng Â, sinh năm 1987 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số H, Quốc lộ M, khóm B, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn Â và bà T: Ông Nguyễn Khánh T; địa chỉ: Số N, đường L, khóm H, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền ngày 16/3/2021- có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Khu H, xã Thạnh Phú, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn L: Ông Lý Bình Đ; địa chỉ: Số B,

Nguyễn Văn U, phường K, quận K, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 11/12/2020 - có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lâm Ngọc T, sinh năm 1989 (vắng mặt).
2. Bà Lâm Ngọc T, sinh năm 2000 (vắng mặt).
3. Cháu Lâm Nhựt T, sinh năm 2009 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Khu B, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng

Người đại diện theo pháp luật của cháu Lâm Nhựt T: bà Trần Thị L; địa chỉ: Ấp Khu B, xã Thạnh Phú, huyện X, tỉnh Sóc Trăng (bà L vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn Trần Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 03 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Hoàng Á và Nguyễn Hồng T trình bày:*

Vào ngày 03/6/2008 ông Lâm U (đã chết) là chồng bà Trần Thị L có vay của Á, bà T số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Để tạo lòng tin cho nhau, ông Lâm U thỏa thuận và làm hợp đồng thế chấp tài sản ngày 03/6/2008 để giao 02 giấy chứng nhận QSD đất số AI 363884 ngày 06/6/2006 và giấy chứng nhận QSD đất số AI 363883 ngày 06/6/2006 do UBND huyện X cấp cho ông Lâm U đứng tên giấy chứng nhận QSD đất cho Á, bà T để giữ làm tin. Trong quá trình vay tiền, ngày 18/7/2008 ông U có đóng lãi 01 tháng 15 ngày với số tiền 15.000.000 đồng, thì không đóng lãi thêm cũng không trả nợ gốc.

Nay ông Lâm U đã chết nhưng chưa thanh toán số tiền vay nêu trên cho Á, bà T nên Á, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị L và người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lâm U là chị Lâm Ngọc T; chị Lâm Ngọc T, anh Lâm Nhựt T phải có nghĩa vụ trả cho Á, bà T số tiền mà ông U đã vay là 200.000.000 đồng, yêu cầu trả lãi theo lãi suất pháp luật. Cụ thể là tính lãi suất từ ngày ông Lâm U làm đơn thỏa thuận với vợ chồng Á, bà T ngày 01/5/2012 theo lãi suất là 1%/ tháng. Đối với hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lâm U mà Á và bà T đang giữ sẽ trả lại cho gia đình ông Lâm U sau khi vợ ông U bà Trần Thị L và các con ông Lâm U thanh toán đủ số tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh cho Á bà T.

- *Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ý kiến của bị đơn Huỳnh Thị L đồng thời là đại diện theo uỷ quyền và theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lâm Ngọc T; chị Lâm Ngọc T, anh Lâm Nhựt T trình bày:* Bà L với ông Lâm U là vợ chồng có với nhau tất cả 3 người con gồm có Lâm Ngọc T, Lâm Ngọc T, Lâm Nhựt T ngoài ra ông Lâm U không có con riêng hay con nuôi, cha mẹ ruột của ông Lâm U là ông Lâm Chợt và bà Tài Thị Niệm đã chết. Khi còn sống ông Lâm U có vay của Á, bà T số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng vào ngày 03/6/2008. Trong khi vay tiền ông Lâm U đã giao giấy

chứng nhận QSD đất số AI 363884 ngày 06/6/2006 do UBND huyện X cấp cho ông Lâm U đứng tên giấy chứng nhận QSD đất và giấy chứng nhận QSD đất số AI 363883 ngày 06/6/2006 do UBND huyện X cấp cho ông Lâm U đứng tên giấy chứng nhận QSD đất cho Â, bà T để giữ làm tin hiện tại hai thửa đất trên bà L và các con đang quản lý sử dụng. Từ khi vay đến nay ông U có đóng lãi cho bà T, Â được 15.000.000 đồng.

Nay ông U đã chết, Â, bà T yêu cầu bà L và các con của ông Lâm U phải thanh toán số nợ mà ông U đã vay thì bà L và các con đồng ý nhưng yêu cầu Â và bà T cho bà và các con của ông Lâm U được trả số tiền vốn mà ông U còn nợ là 200.000.000 đồng chia làm nhiều lần. Cụ thể mỗi năm bà cố gắng thanh toán cho Â và bà T là 20.000.000 đồng nếu trường hợp có thu nhập nhiều hơn thì sẽ thanh toán thêm cho Â và bà T cho đến khi hết nợ. Đối với phần tiền lãi suất phát sinh mà Â và bà T yêu cầu trả mỗi tháng là 1%, bà L và các con ông Lâm U yêu cầu được miễn không thanh toán phần lãi phát sinh này vì hiện nay kể từ khi ông U chết gia đình rất khó khăn. Đối với hai tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Â, bà T đang giữ, bà L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu được nhận lại để bán đất trả tiền cho Â và T và giải quyết hoàn cảnh khó khăn của gia đình.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng, thụ lý giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 40/2020/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2020, đã quyết định: Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 143, Điều 144; Điều 146, Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ: Các Điều 463, Điều 466; Điều 468, Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ: Khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm c tiểu mục 1.3 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Hoàng Â và Nguyễn Hồng T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại đối với bị đơn Trần Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lâm Ngọc T, Lâm Ngọc T, Lâm Nhựt T.

- Buộc bị đơn Trần Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lâm Ngọc T, Lâm Ngọc T, Lâm Nhựt T phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Phạm Hoàng Â và Nguyễn Hồng T khoản tiền vốn vay còn nợ là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử là 213.400.000 đồng, tổng cộng là: 413.400.000 đồng trong phạm vi tài sản do ông Lâm U chết để lại.

- Ông Phạm Hoàng Â và bà Nguyễn Hồng T phải trả lại cho bà Trần Thị L và Lâm Ngọc T, Lâm Ngọc T, Lâm Nhựt T bản chính giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số AI 363883 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 363884 do ông Lâm U đứng tên khi bà Trần Thị L và Lâm Ngọc T, Lâm Ngọc T, Lâm Nhựt T thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ cho Phạm Hoàng A và bà Nguyễn Hồng T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 10/12/2020 bị đơn Trần Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 26/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện X với lý do bản án xét xử không khách quan, không đúng theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện các nguyên đơn Phạm Hoàng A và bà Nguyễn Hồng T không rút đơn khởi kiện, đại diện bị đơn Trần Thị L giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người T hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Trần Thị L và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Người có quyền kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn Trần Thị L là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng luật định.

[1.2] Tại phiên tòa vắng mặt các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lâm Ngọc T, Lâm Ngọc T và Lâm Nhựt T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn L đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để triệu tập các người liên quan trên và đưa ông Trần Phước Châu vào tham gia tố tụng với tư cách là người liên quan hay là người làm chứng trong vụ án. Xét thấy, các người liên quan Lâm Ngọc T, Lâm Ngọc T và Lâm Nhựt T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vụ án. Đối với yêu cầu đưa ông Trần Phước Châu vào tham gia tố tụng với tư cách là người liên quan hay là người làm chứng trong vụ án của người đại diện cho bị đơn, xét thấy là không cần thiết vì ông Trần Phước Châu là người làm chứng ký tên vào Hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông Lâm U với ông Phạm Hoàng A. Trong quá trình giải quyết ở cấp sơ

thẩm bà Trần Thị L thừa nhận là có sự việc này và đồng ý trả nợ cho các nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của người đại diện cho bị đơn.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Trần Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn Phạm Hoàng Á và Nguyễn Hồng T với ông Lâm U mặc dù chỉ dựa trên sự thỏa thuận giao kết bằng lời nói, không có hợp đồng cụ thể. Tuy nhiên quá trình vay tiền, ông Lâm U có viết tờ thoả thuận vào ngày 05/1/2012 và ký vào tờ Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 03/5/2008 xác nhận đã vay của nguyên đơn Phạm Hoàng Á và Nguyễn Hồng T số tiền vay 200.000.000 đồng là phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn, cũng như lời thừa nhận của bị đơn Trần Thị L trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa và phù hợp với chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là do ông Lâm U không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vốn vay và lãi như đã thoả thuận nên ông Lâm U đã vi phạm hợp đồng, là người có lỗi nên phải chịu hậu quả pháp lý về hành vi vi phạm của mình. Hiện tại ông Lâm U đã chết nên nguyên đơn Phạm Hoàng Á và Nguyễn Hồng T yêu cầu bà Trần Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan trong vụ án là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lâm U phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn và lãi mà ông Lâm U còn nợ.

[2.3] Đối với câu tính lãi suất phát sinh của phía nguyên đơn đối với ông Lâm U với mức lãi suất 1%/tháng đối với số tiền 200.000.000 đồng mà phía bị ông Lâm U vay, tính kể từ ngày 05/01/2012 đến ngày xét xử thấy rằng: Trong quá trình vay các bên có thoả thuận trả lãi, ông Lâm U đã trả lãi được 15.000.000 đồng vào ngày 18/7/2008 nên Hội đồng xét xử nhận định hợp đồng vay giữa nguyên đơn với ông Lâm U là hợp đồng vay có lãi. Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi trên số tiền vốn đã vay với mức lãi suất là 1%/tháng tương đương với 12%/năm tính kể từ ngày 05/01/2012 là không vượt quá mức lãi suất 20%/năm phù hợp với quy định về lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đồng thời phía bị đơn Trần Thị L không yêu cầu đối trừ lại số tiền lãi mà ông Lâm U đã trả nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, để tính lãi suất từ ngày 05/01/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm cụ thể như sau: $(200.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 106 \text{ tháng} \times 21 \text{ ngày})$ là 213.400.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Trần Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Ngọc T, Lâm Ngọc T, Lâm Nhựt T, phải có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh của ông Lâm U còn nợ thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Trần Thị L trình bày, trước khi chết ông Lâm U có vay tiền của nguyên đơn là phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bị đơn L với ông Lâm U. Nhưng việc vay tiền của ông Lâm U bị đơn và các con

của ông Lâm U hoàn toàn không biết và yêu cầu được thanh toán mỗi năm là 20.000.000 đồng và yêu cầu được miễn phần lãi suất phát sinh, nhưng yêu cầu này của bị đơn không được các nguyên đơn đồng ý. Do đó, yêu cầu này của bị đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.1] Ngoài ra bị đơn còn thừa nhận khi chết ông Lâm U để lại tài sản là hai thửa đất, hiện tại bị đơn và các con đang quản lý sử dụng còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phía nguyên đơn đang cất giữ nên yêu cầu được nhận lại tài sản là hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Lâm U đã giao cho nguyên đơn cất giữ. Đồng thời, cung cấp chứng cứ là tờ khai quan hệ thừa kế của ông Lâm U ngày 21/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Đại Tâm, huyện X, giấy khai sinh của các con để chứng minh hàng thừa kế thứ nhất của ông Lâm U đã chết.

[3.2] Căn cứ vào giấy chứng tử, cũng tờ khai quan hệ thừa kế của ông Lâm U ngày 21/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Đại Tâm, huyện X, giấy khai sinh của các con mà bị đơn đã cung cấp và lời thừa nhận của bị đơn Trần Thị L, Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn Trần Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan Lâm Ngọc T, Lâm Ngọc T, Lâm Nhựt T là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lâm U. Vì vậy bị đơn Trần Thị L và người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lâm U là Lâm Ngọc T, Lâm Ngọc T, Lâm Nhựt T phải có trách nhiệm cùng thực hiện nghĩa vụ về tài sản do ông Lâm U chết để lại.

[4] Từ những phân tích nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Hoàng Á và Nguyễn Hồng T đối với bị đơn Trần Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Ngọc T, Lâm Ngọc T, Lâm Nhựt T là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn Trần Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Ngọc T, Lâm Ngọc T, Lâm Nhựt T phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Phạm Hoàng Á và Nguyễn Hồng T khoản tiền vốn vay mà ông Lâm U còn nợ là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 05/01/2012 đến ngày xét xử là 213.400.000 đồng, tổng cộng là: 413.400.000 đồng trong phạm vi tài sản do ông Lâm U chết để lại là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[5] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 363883 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 363884 do ông Lâm U đứng tên mà nguyên đơn Phạm Hoàng Á và Nguyễn Hồng T đang giữ, Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên đơn không phải là tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật nên không có chức năng cho vay theo hình thức thế chấp tài sản là các loại giấy tờ có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định việc giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là để làm tin, tạo sự tin tưởng về khả năng thanh toán nợ của ông Lâm U nên nguyên đơn Phạm Hoàng Á và Nguyễn Hồng T phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 363883 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 363884 do ông Lâm U đứng tên cho những người thừa kế của ông Lâm U là bà Trần Thị L và Lâm Ngọc T, Lâm Ngọc T, Lâm Nhựt T.

[6] Từ những căn cứ phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn Trần Thị L là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn Trần Thị L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[9] Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Trần Thị L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2020/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Hoàng Â và Nguyễn Hồng T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại đối với bị đơn Trần Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lâm Ngọc T, Lâm Ngọc T, Lâm Nhựt T.

1. Buộc bị đơn Trần Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lâm Ngọc T, Lâm Ngọc T, Lâm Nhựt T phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Phạm Hoàng Â và Nguyễn Hồng T khoản tiền vốn vay còn nợ là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử là 213.400.000 đồng, tổng cộng là: 413.400.000 đồng trong phạm vi tài sản do ông Lâm U chết để lại. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ông Phạm Hoàng Â và bà Nguyễn Hồng T phải trả lại cho bà Trần Thị L và Lâm Ngọc T, Lâm Ngọc T, Lâm Nhựt T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số AI 363883 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 363884 do Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lâm U đứng tên vào ngày 06/6/2006. Khi bà Trần Thị L và Lâm Ngọc T, Lâm Ngọc T, Lâm Nhựt T thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ cho Phạm Hoàng Á và bà Nguyễn Hồng T.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị L và Lâm Ngọc T, Lâm Ngọc T, Lâm Nhựt T phải chịu là: 20.536.000 đồng.

3.2. Án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007452 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà L đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3.3. Nguyên đơn Phạm Hoàng Á và bà Nguyễn Hồng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Phạm Hoàng Á và bà Nguyễn Hồng T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000268 ngày 27 tháng 04 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Lưu: HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hoàng Thành